

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Ngành: Ngôn ngữ Anh và ngành Việt Nam học
Hệ đào tạo: Đại học chính quy

- 1. Tên học phần:** Tiếng Trung 2
- 2. Mã học phần:** TQUOC 102
- 3. Số tín chỉ:** 4 (4,0)
- 4. Trình độ:** Sinh viên đại học năm thứ 1(kỳ II)
- 5. Phân bổ thời gian:**
 - Lý thuyết: 60 tiết
 - Tự học: 120 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Học phần Tiếng Trung 1

7. Mục tiêu của học phần:

7.1 Kiến thức

Phát âm và sử dụng đúng các từ vựng liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày như đi mua đồ, các hoạt động hàng ngày, các hoạt động đang diễn ra, đến bưu điện, nói sở thích, vị trí, phương hướng của sự vật, cách biểu đạt thời gian thời gian.

Trình bày đúng các cấu trúc ngữ pháp: cách nói ngày tháng năm - giờ, câu vị ngữ danh từ, câu hỏi lựa chọn, câu hai tân ngữ, câu liên động, câu kiêm ngữ, sự tiến hành của động tác, động từ lặp lại, phương vị từ, biểu đạt sự tồn tại, “又...又.....”, giới từ “离、从、往”

7.2. Kỹ năng

Mô tả được các hoạt động đang diễn ra, sở thích cá nhân, sự tồn tại của vật và người, vị trí phương hướng của người và vật, thời gian diễn ra các hoạt động.

Nghe hiểu các đoạn hội thoại, độc thoại về các chủ điểm giao tiếp trong chương trình.

Đọc hiểu được các đoạn văn 250 – 300 từ về các chủ điểm giao tiếp trong chương trình.

Viết được các đoạn văn 150-200 từ giới thiệu sở thích, sự tồn tại của vật và người; vị trí phương hướng của người và vật, thời gian xảy ra các hoạt động hàng ngày.

7.3. Thái độ

Sử dụng đúng các kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội và trong công việc tương lai.

8. Mô tả nội dung của học phần:

Học phần gồm 10 bài, mỗi bài đều có kết cấu bốn phần: bài khóa, ngữ pháp, kỹ năng và bài tập cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau:

- Nội dung bài khóa cung cấp những từ mới, mẫu câu thường dùng trong sinh hoạt hàng ngày cũng như trong học tập theo từng chủ đề cụ thể: đi mua đồ, các hoạt động hàng ngày, các hoạt động đang diễn ra, đến bưu điện, nói sở thích, vị trí, phương hướng của sự vật, cách biểu đạt thời gian thời gian.

- Kiến thức ngữ pháp trong mỗi bài từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp: cách sử dụng “又...又.....”, giới từ “离、从、往”; cách nói ngày tháng năm - giờ, câu vị ngữ danh từ, câu hỏi lựa chọn, câu hai tân ngữ, câu liên động, câu kiêm ngữ, sự tiến hành của động tác, động từ lặp lại, phương vị từ, biểu đạt sự tồn tại.

- Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham dự tất cả các tiết học trên lớp có sự hướng dẫn của giảng viên (tối thiểu 80% số tiết).

- Tham dự tất cả các bài kiểm tra quá trình.

- Đọc tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo theo quy định của giảng viên.

- Hoàn thành tất cả các bài tập trong cuốn: ***Giáo trình Tiếng Trung 2 dành cho hệ đại học chính quy*** - Trường Đại Học Sao Đỏ.

- Có đầy đủ dụng cụ, tài liệu học tập

10 - Tài liệu học tập:

*** Tài liệu bắt buộc:**

[1] ***Giáo trình Tiếng Trung 2*** - Trường Đại học Sao Đỏ, năm 2012

*** Tài liệu tham khảo:**

[2] ***汉语教程, 第一册 (上)***; Trần Thị Thanh Liêm biên dịch, NXB Lao Động

[3] ***汉语教程, 第一册 (下)***; Trần Thị Thanh Liêm biên dịch, NXBLao Động

[4] ***汉语会话 301 句***, Tập 1, Đạt Sĩ biên dịch, Nhà xuất bản Thanh Niên

[5] ***Thực hành ngữ pháp tiếng Hán hiện đại***, Nguyễn Hữu Trí, Nhà xuất bản Đà

Năng

11 – Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

11.1 Tiêu chí đánh giá

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1.	Kiểm tra thường xuyên, Đánh giá ý thức tham dự lớp học, chuẩn bị bài.	1 điểm 1 điểm	10% 10%	
2.	Các bài kiểm tra định kỳ <i>Bài kiểm tra số 1,2,3,4</i>	4bài Kiểm tra kỹ năng: Đọc, Viết	30%	
3.	Thi cuối kỳ	Hình thức thi: Viết Thời gian: 90 phút	50%	

11.2. Cách tính điểm:

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các tiết học trên lớp, nếu sinh viên không tham gia đủ tối thiểu 80% số tiết học trên lớp không được thi.

- Điểm thành phần để điểm lẻ

- Điểm kết thúc học phần làm tròn đến phần nguyên

12. Thang điểm: 10 và chữ

13 . Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
1	第十二课 : 时间 (一) 一、 课文 (一) 生词 (二) 回答问题 二、 语法 (一) 年、月、日、星期的表示	4LT	Tài liệu [1], [3] [4], [5]	- Đọc: Trang 1- 15 tài liệu [1] Trang 268-270 tài liệu [5] - Nghe: Trang 82-85 tài liệu [3] Trang 54-55 tài liệu [4] - Hoàn thành: Tài liệu [1] (二) 根据课文的内容 回答问题 trang 3

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	(二) 名词谓语句 (一) 听力 (二) 口语 (三) 阅读			(三) 阅读 trang 7,8
2	第十二课：时间（一） (四) 写作 四、练习	1LT 1BT	Tài liệu [1]	- Đọc: Trang 1- 15 tài liệu [1] - Hoàn thành: Tài liệu [1] (四) 写作 trang 9 Bài tập 3 - 6 trang 10-12
	第十三课:时间（二） 一、课文 (一) 生词 (二) 根据课文的内容回答问题	2LT	Tài liệu [1], [3] [4]	- Đọc: Trang 16 - 31 tài liệu [1] - Nghe: Trang 101-104 tài liệu [3] Trang 69-72 tài liệu [4] để luyện cách phát âm từ mới, mẫu câu, bài hội thoại theo chủ đề giao tiếp trong bài - Hoàn thành: Tài liệu [1] (二) 回答问题 trang 19
3	第十三课：时间（二） 二、语法 (一) 钟点的读法 (二) 时间词 (三) 用“是吗”、“好吗”、“行吗”的疑问句 三、技能 (一) 听力	3LT 1BT	Tài liệu [1]	- Đọc: Trang 16 - 31 tài liệu [1] - Hoàn thành: Tài liệu [1] (二) 口语 trang 22 (三) 阅读 trang 24 (四) 写作 trang 24 Bài tập2 - 8 trang 25 - 30

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	(二) 口语 (三) 阅读 (四) 写作 四、练习			
4	第十四课 你的车是新的还是旧的 一、课文 (一) 生词 (二) 判断正误 二、语法 (一) 选择问句 (二) 省略问句 三、技能 (一) 口语 (二) 阅读 四、练习	2LT 1BT 1KT	Tài liệu [1], [3] [5]	- Đọc: Trang 32-40 tài liệu [1] Trang 297-303 tài liệu [5] - Nghe: Trang 1-3 tài liệu [3] - Hoàn thành: Tài liệu [1] (二) 根据课文的内容判断正误 trang 34 Bài tập 2 - 4 trang 38,39 - Ôn tập: Từ mới, cấu trúc ngữ pháp và nội dung bài đọc từ bài 12 đến bài 14 tài liệu [1]
5	第十五课：你常去图书馆吗 一、课文 (一) 生词 (二) 回答问题 二、语法：“还是”和“或者”的区别 三、技能 (一) 口语	3LT 1BT	Tài liệu [1], [3] [5]	- Đọc: Trang 41-49 tài liệu [1] Trang 297-299 tài liệu [5] - Nghe: Trang 1-3 tài liệu [3] - Hoàn thành: Tài liệu [1] (二) 回答问题 trang 43 (二) 阅读 trang 45,46 Bài tập2 - 5trang 47 - 49

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	(二) 阅读 四、练习			
6	第十六课：你在做什么呢 一、课文 (一) 生词 (二) 回答问题 二、语法 (一) 动作的进行 (二) 双宾语句 (三) 询问动作行为的方式	4LT	Tài liệu [1], [3] [5]	- Đọc: Trang 50-62 tài liệu [1] Trang 320-325 tài liệu [5] - Nghe: Trang 43-46 tài liệu [3] - Hoàn thành: Tài liệu [1] (二) 根据课文的内容回答问题 trang 52
7	第十六课:你在做什么呢(tiếp) 三、技能 (一) 听力 (二) 口语 (三) 阅读 四、练习	1LT 1BT	Tài liệu [1]	- Đọc: Trang 50-62 tài liệu [1] - Hoàn thành: Tài liệu [1] (三) 阅读 trang 58,59 Bài tập 3 - 6 trang 60,61
	第十七课 :买东西 (一) 一、课文 (一) 生词 (二) 根据课文的内容回答问题	1LT 1KT	Tài liệu [1], [3] [4]	- Đọc: Trang 63-77 tài liệu [1] - Nghe: Trang 64-65 tài liệu [2] Trang 96-101 tài liệu [4] - Hoàn thành: Tài liệu [1] (二) 根据课文的内容回答问题 trang 66
8	第十七课:买东西 (一) (tiếp)	2LT	Tài liệu [1], [3]	- Đọc: Trang 63-77 tài liệu [1]

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	二、语法 (一) 人民币的单位 (二) “太 + 形 + 了” 三、技能 (一) 听力 (二) 口语 (三) 阅读	1BT 1KT	[4]	- Hoàn thành: Tài liệu [1] (三) 阅读 trang 70-72 - Ôn tập: Từ mới, cấu trúc ngữ pháp và nội dung bài đọc từ bài 15 đến bài 17 tài liệu [1]
9	第十七课:买东西 (一) (tiếp) 三、技能 (四) 写作 四、练习	1LT 1BT	Tài liệu [1]	- Đọc: Trang 63-77 tài liệu [1] - Hoàn thành: Tài liệu [1] (四) 写作 trang 72 Bài tập 3 – 5 trang 73 - 76
	第十八课 : 买东西 (二) 一、课文 (一) 生词 (二) 根据课文的内容回答问题	2LT	Tài liệu [1], [3] [4]	- Đọc: Trang 78- 96 tài liệu [1] - Nghe: Trang 67-69 tài liệu [3] Trang 104-108 tài liệu [4] - Hoàn thành: Tài liệu [1] (二) 根据课文的内容回答问题 trang 80
10	第十八课:买东西 (二) (tiếp) 二、语法 (一) 动词重叠 (二) 又.....又..... (三) “一点儿”/“有点儿” 三、技能 (一) 听力	3LT 1BT	Tài liệu [1], [5]	- Đọc: Trang 78- 96 tài liệu [1] Trang 21-32 tài liệu [5] - Hoàn thành: Tài liệu [1] (三) 阅读 trang 85-88 A. 看图写汉字 trang 89,90 Bài tập 2 - 7 trang 91- 94

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	(二) 口语 (三) 阅读 (四) 写作 四、练习			
11	<p style="text-align: center;">第十九课</p> <p style="text-align: center;">我去邮局寄包裹</p> 一、课文 (一) 生词 (二) 根据课文的内容回答问题 二、语法：连动句 三、技能 (一) 听力 (二) 口语 (三) 阅读	3LT 1BT	Tài liệu [1], [2] [3], [4] [5]	- Đọc: Trang 97-112 tài liệu [1] Trang 378-382 tài liệu [5] - Nghe: Trang 69-71 tài liệu [2] Trang 55-58 tài liệu [3] Trang 121-125 tài liệu [4] - Hoàn thành: Tài liệu [1] (二) 根据课文的内容回答问题 trang 101 (三) 阅读 trang 105,106
12	<p style="text-align: center;">第十九课 (tiếp)</p> <p style="text-align: center;">我去邮局寄包裹</p> 四、练习 <p style="text-align: center;">第二十课</p> <p style="text-align: center;">我打算请老师教京剧</p> 一、课文 (一) 生词 (二) 根据课文的内容回答问题	1BT 1KT 2LT	Tài liệu [1] Tài liệu [1], [3]	- Đọc: Trang 97-112 tài liệu [1] - Hoàn thành: Tài liệu [1] Bài tập 3 - 9 trang 107 - Đọc: Trang 113-123 tài liệu [1] - Nghe: Trang 114-116 tài liệu [3] - Hoàn thành: Tài liệu [1] (二) 根据课文的内容回答问题 trang 116

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
13	<p>第二十课 (tiếp)</p> <p>我打算请老师教京剧</p> <p>二、语法：兼语句</p> <p>三、技能</p> <p>(一) 说话</p> <p>(二) 阅读</p> <p>(三) 写作</p> <p>四、练习</p>	3LT 1BT	Tài liệu [1], [5]	<p>- Đọc:</p> <p>Trang 113-123 tài liệu [1]</p> <p>Trang 385-392 tài liệu [5]</p> <p>- Hoàn thành: Tài liệu [1]</p> <p>(二) 阅读 trang 118,119</p> <p>(三) 写作 trang 119</p> <p>Bài tập 3 - 8 trang 120-122</p>
14	<p>第二十一课：我们的学校</p> <p>一、课文</p> <p>(一) 生词</p> <p>(二) 根据课文的内容回答问题</p> <p>二、语法</p> <p>(一) 方位词</p> <p>(二) 存在表达</p> <p>(三) 多.....?</p> <p>(四) 介词“离,从,往”</p> <p>三、技能</p> <p>(一) 听力</p>	4LT	Tài liệu [1], [3] [4], [5]	<p>- Đọc:</p> <p>Trang 124-143 tài liệu [1]</p> <p>Trang 302-303,153-157 tài liệu [5]</p> <p>- Nghe:</p> <p>Trang 127-130 tài liệu [3]</p> <p>Trang 84-88 tài liệu [4]</p> <p>- Hoàn thành: Tài liệu [1]</p> <p>(二) 根据课文 (一) 的内容选词填空 trang 127</p>
15	<p>第二十一课:我们的学校(tiếp)</p> <p>三、技能</p> <p>(二) 口语</p> <p>(三) 阅读</p>	2LT 1BT 1KT	Tài liệu [1]	<p>- Đọc:</p> <p>Trang 124-143 tài liệu [1]</p> <p>- Hoàn thành: Tài liệu [1]</p> <p>(三) 阅读 trang 133,134</p> <p>(四) 写作 trang 134,135</p>

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	(四) 写作 四、练习			Bài tập 4-12 trang 137-143 - Ôn tập: +Từ mới,cấu trúc ngữ pháp và nội dung bài đọc từ bài 20,21 tài liệu [1] +Hệ thống từ vựng,cấu trúc ngữ pháp cơ bản,nội dung các bài đọc trong chương trình.

Hải Dương, ngày 19 tháng 08 năm 2016

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Phi Đăng Tuệ

TRƯỞNG KHOA



Hoàng Đức Đoàn

TRƯỞNG BỘ MÔN



Trịnh Thị Chuyên